Ngày soạn: 12-09-2023

Ngày dạy: 19-09-2023

**Tiết 10,11,12.**

**VIẾT**

**TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**I. Mục tiêu.**

**1. Kiến thức:**

**-** Tóm tắt được một văn bản.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung:**

- Lập được KH tự học về hoạt động viết*,* tìm kiếm các tài liệu về tóm tắt một văn bản cụ thể; thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ về nhiệm vụ tự học; đọc sgk trả lời câu hỏi về kĩ thuật tóm tắt, quy trình tóm tắt; đặt các câu hỏi về tình huống; tự đánh giá, điều chỉnh việc tự học hoạt động viết.

- Lập được kế hoạch hoạt động nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tổ chức thảo luận, đưa ra các ý kiến, tham gia thảo luận về quy trình tóm tắt một văn bản; chia sẻ tài nguyên; thiết kế các sản phẩm tóm tắt một văn bản; biết tự đánh giá bản thân và các thành viên trong nhóm

**b. Năng lực đặc thù:**

***\* Quy trình viết.*** Biết tóm tắt một văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi tóm tắt (Đọc kĩ văn bản gốc, xác định nội dung chính cần tóm tắt; yêu cầu về độ dài cần tóm tắt).

***\*Thực hành viết.*** Thực hành tóm tắt một văn bản cụ thể.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập…..

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Đọc trước hoạt động viết/T27, 28, 29.

**-** Nhớ lại cách tóm tắt văn bản đã học ở lớp 6.

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ**

**-** Tạo hứng thú, gây sự tò mò, thích khám phá kiến thức mới cho HS.

**-** Hoạt động cặp đôi.

**-** Các câu trả lời

**Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

Theo em, khi kể lại văn bản “Đi lấy mật”- Đoàn Giỏi cho người thân nghe, em cần nkeer như thế nào? Khi kể cần lưu ý điều gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm.

- Chỉ cần kể tóm tắt ngắn gọn. Khi kể cần giữ lại những sự kiện chính.

\* ***Báo cáo sản phẩm.***

Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá bằng rubric, dẫn dắt chuyển sang hoạt động khác.

**Hoạt động KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.**

**-** Nhận biết được các yêu cầu của việc tóm tắt văn bản, phân tích bài văn mẫu..

**-** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, cả lớp…

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

***I. Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt..***

***1. Yêu cầu chung.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện hoạt động cá nhân đọc kĩ *yêu cầu đối với văn bản tóm tắt* trong hộp chỉ dẫn (sgk/T27)

**Gợi ý.**

Một văn bản tóm tắt cần đạt những yêu cầu nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

Dự kiến sản phẩm.

**+** Phản ánh đúng nội dung của VB gốc: Đây là yêu cầu quan trọng của việc tóm tắt VB. Trong VB tóm tắt, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hoặc những đánh giá, nhận xét chủ quan của mình về VB gốc.

+ Trình bay được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc: Yêu cầu này có nghĩa là VB tóm tắt cần thầu tóm được những nội dung không thể lược bỏ của VB gốc.

+ Sử dụng các từ ngữ quan trọng của VB gốc: Trong bất kì VB nào cũng xuất hiện những từ ngữ mà ta thường gọi là “từ khoá”. Đầy là những từ ngữ then chốt, mang hàm lượng thông tin cao, thường xuất hiện nhiẽu lần trong VB. Vì thế, khi tóm tắt VB, cần chú ý sử dụng những “từ khoá” này.

+ Dáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài: VB tóm tắt phải là VB có dung lượng nhỏ hơn (ngắn hơn) VB gốc. Dung lượng của VB tóm tắt luôn được quy định chặt chẽ bởi mục đích, cách thức, hoàn cảnh tóm tắt,...

\* ***Báo cáo sản phẩm.***

Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận.** (Hộp chỉ dẫn/T27).

Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt:

* Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.
* Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.
* Sử dụng những từ quan trọng của văn bản gốc.
* Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

***2. Phân tích bài viết tham khảo.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện hoạt động cả lớp đọc 2 văn bản; Tóm tắt văn bản “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” trong Ngữ văn 6, tập 2 (sgk/T27, 28).

- Thực hiện hoạt động cặp đôi chia sẻ yêu cầu sau:

*+ VB tóm tắt có phàn ánh trung thành nội dung của VB gốc không?*

*+ VB tóm tắt có trình bàyđược những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc không?*

*+ Nêu một số từ ngữ quan trọng của VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt.*

*+ Nhận xét về độ dài của VB tóm tắt 1 và 2.*

**Gợi ý.** Đọc lướt nhanh các sự kiện chính trong “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh”.

(1) Vua Hùng muốn kén rể cho Mị Nương

(2) Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn

(3) Vua Hùng ra điều kiện chọn rể

(4) Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương

(5) Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh

(6) Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, đành rút về quân về

(7) Hằng năm Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm:

*+ VB tóm tắt có phàn ánh trung thành nội dung của VB gốc không?* (Hai VB tóm tắt đẽu phản ánh trung thành nội dung của VB gốc. Trong hai VB tóm tắt, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hay những đánh giá, nhận xét chủ quan về các sự việc trong cầu chuyện.)

*+ VB tóm tắt có trình bàyđược những ý chính, những điểm quan trọng của VBgốc không?* (Hai VB tóm tắt đã trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc.)

*+ Nêu một số từ ngữ quan trọng của VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt.* (Một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt như.- *Hùng Vương thứ mười tám, MỊ Nương Sơn Tinh - chùa miến non cao. Thuỷ Tinh - chúa miền nước thẳm, cấu hôn, lễ vật, nổi giận, thua,...)*

*+ Nhận xét về độ dài của VB tóm tắt 1 và 2.* (VB 1 có dung lượng 4 cầu, VB 2 có dung lượng 12 cầu. VB 2 đã miêu tả sự việc kĩ hơn so với VB 1.)

\* ***Báo cáo sản phẩm.***

Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS theo dõi, bổ sung thêm vào vở- nếu còn thiếu)**

- Hai VB tóm tắt đẽu phản ánh trung thành nội dung của VB gốc.

- Đã trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc.

- Một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt như.- *Hùng Vương thứ mười tám, MỊ Nương Sơn Tinh - chùa miến non cao. Thuỷ Tinh - chúa miền nước thẳm, cấu hôn, lễ vật, nổi giận, thua,.*

- VB 1 có 4 câu, VB 2 có 12 câu. VB 2 đã miêu tả sự việc kĩ hơn so với VB1.

**Hoạt động 2. Thực hành viết theo các bước.**

**-** Nắm được quy trình tóm tắt một văn bản và thực hành tóm tắt một văn bản.

**-** Hoạt động cá nhân.

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

***II. Thực hành viết theo các bước.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

***Đề: Viết đoạn văn (khoảng 8-10 câu) tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi”***

- Để tóm tắt được “Bầy chim chìa vôi” theo yêu cầu của đề, người viết cần phải thực hiện theo quy trình nào?

***1. Trước khi tóm tắt.***

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm.

- Xác định mục đích tóm tắt, người đọc, sau đó:

a.Đọc kĩ văn bản gốc.

b. Xác định nội dung cần tóm tắt.

c. Xác định yêu cầu về độ dài về độ dài của văn bản tóm tắt.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá bằng rubric.

**GV kết luận. (HS theo dõi, không ghi)**

- Đọc kĩ VB *Bầy chim chìa vôi.*

- Xác định nội dung chính cẩn tóm tắt:

- Độ dài: khoảng 8-10 câu.

***2.Viết văn bản tóm tắt.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện hoạt động cá nhân.

-Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.

- Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.

- Chú ý đảm bảo về độ dài của văn bản tóm tắt.

**Gợi ý.**

Xác định các phần và tìm ý chính của từng phẩn trong VB:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phấn (1) | Phần (2) | Phần (3) |
| Khoảng hai giờ sáng  trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không thể ngủ được : "Vì sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối.” | Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập, chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ. | Mên và Mon đi đò ra dải cát giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bẩy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ. |

*Lưu ý.*

+ Các từ ngữ quan trọng cứa VB. Đó là các từ ngữ: *hai anh em Mên và Mon, hẩy chim chìa vôi, con đò, bãi cát giữa sông,...*

+ Khi tóm tắt VB tự sự, để có VB tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để VB tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong VB gốc.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân viết hành bài văn vào vở.

GV theo dõi, hỗ trợ nhắc nhở HS, đảm bảo hình thức, nội dung đoạn.

Dự kiến sản phẩm.

Mên vả Mon lo lắng cho bầy chim chia vôi non, sợ chúng bị chết đuối khi thấy mưa to và nước dâng cao ngoài bãi sông. Hai anh em đâ đi đò ra bãi cát giứa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân giới thiệu văn bản tóm tắt.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá.

***3. Chỉnh sửa.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện hoạt động cá nhân rà soát, chỉnh sửa bài viết của bạn theo gợi ý sgk/T29.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi

GV theo dõi, hỗ trợ nhắc nhở HS.

+ Em có thể viết thêm xuống phía dưới của bài viết của bạn.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân chia sẻ với bạn những thiếu xót của bạn.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá.

**Hoạt động LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về quy trình tóm tắt một văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời trong vở

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện hoạt động cặp đôi chia sẻ, trả lời câu hỏi sau:

Khái quát lại quy trình tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ tư duy.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi

GV theo dõi, hỗ trợ nhắc nhở HS.

+ Em có thể vẽ, viết bằng các màu mực khác nhau.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá.

**Hoạt động VẬN DỤNG.**

**-** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**-** Hoạt động cặp đôi

**-** Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện hoạt động cá nhân, kể tóm tắt văn bản “bầy chim chìa vôi” cho người thân nghe.

***\* HS tiếp nhận về nhà thực hiện nhiệm vụ.***

Ngày soạn: 12-09-2023

Ngày dạy: 19-09-2023

Tiết 13.

**NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

1. **Mục tiêu.**

**1. Kiến thức:**

**-** Biết trình bày về một vấn đề liên quan đến bản thân.

**1. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Lập được KH tự học về hoạt động nói và nghe*,* tìm kiếm các tài liệu về một vấn đề mà em quan tâm; thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ về nhiệm vụ tự học; đọc sgk trả lời câu hỏi về nói, nghe và nói nghe tương tác; đặt các câu hỏi về tình huống; tự đánh giá, điều chỉnh việc tự học hoạt động Nói và nghe.

- Lập được kế hoạch hoạt động nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tổ chức thảo luận, đưa ra các ý kiến, tham gia thảo luận về nói, nghe và nói nghe tương tác; chia sẻ tài nguyên; thiết kế các sản phẩm về một vấn đề em quan tâm; biết tự đánh giá bản thân và các thành viên trong nhóm

**b. Năng lực đặc thù:**

***\* Nói:***  Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

***\* Nghe:*** Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.

***\* Nói nghe tương tác:*** Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập…..

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Đọc trước hoạt động nói và nghe

- Lập kế hoạch nói về một trải nghiệm của bản thân, tập nói một mình.

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học**.**

**-** Hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

**-** Các câu trả lời

**Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Theo dõi video sau, trả lời các câu hỏi:

(Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=-kfID2lm6Fo>)

1. Em có nhận xét gì về vấn đề bạn học sinh quan tâm trong video?

2. Em có quan tâm đến vấn đề đó hoặc vấn đề tương tự nào khác không?

3. Em có sẵn sàng kể cho các bạn nghe về mối quan tâm của mình không?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm. (HS có nhiều sản phẩm khác nhau)

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá, dẫn dắt chuyển sang hoạt động khác.

**Hoạt động KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Hoạt động 1. Chuẩn bị bài nói.**

**-** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài nói.

**-** HS hoạt động cá nhân sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

**1. Trước khi nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

Đọc kĩ đề tài sau: *Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, hấu hiểu.*

Để nói được đề tài trên, em cần phải làm gì?

**Gợi ý.**

- Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ hộp chỉ dẫn (sgk/T30), trả lời câu hỏi: *Trước khi nói, em cần phải làm gì?*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm. Chuẩn bị nội dung nói -> tập luyện

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá.

**GV kết luận.** **(HS lắng nghe, không ghi)**

Yêu cầu trước khi nói (sgk/T30).

(1) Xác định mục đích nói: nói về *Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, hấu hiểu.*

(2) Người nghe: thầy/cô, bạn bè, người thân....

(3) Chuẩn bị nội dung nói: Đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- Theo em, người lớn đã thực sự lắng nghe, thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của trẻ em chưa? Những biểu hiện nào cho thấy nhiều người lớn chưa thực sự lắng nghe và thấu hiểu trẻ?

- Trẻ em mong muốn được người lớn lắng nghe, thấu hiểu những điều gì?

- Chuyện gì có thể xảy ra khi người lớn không lắng nghe, thấu hiểu trẻ? Em có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình từ sách báo và các phương tiện nghe nhìn để thuyết phục người nghe.

- Trẻ em cần phải làm gì khi chưa được người lớn lắng nghe, thấu hiểu?

(4) Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

(5) Tập luyện trước khi nói: tập trình bày một mình, tập trình bày trước nhóm bạn...

**Hoạt động 2. Trình bày bài nói.**

**-** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**-** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

**2. Trình bày bài nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ những lưu ý khi trình bày bài nói (sgk/T31, 32)

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm. + GV mời HS xung phong.

+ GV có thể mời 2 HS yếu trình bày trước – 2 HS trung bình – 1 HS khs – 1 HS giỏi

\* ***Báo cáo sản phẩm.***

Từng cá nhân trình bày sản phẩm.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

- GV đánh giá.

**Hoạt động 3. Trao đổi về bài nói.**

**-** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**-** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

**3. Sau khi nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ gợi ý đánh giá bài nói (sgk/T32)

- Đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động nhóm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện nhóm báo cáo kết quả đánh giá.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - GV tổng hợp, đánh giá.

**Hoạt động LUYỆN TẬP.**

**-** Củng cố lại kiến thức đã học.

**-** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**-** Kết quả của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

Nói ngắn gọn về *mong muốn của em với việc học tập*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân liệt kê những nội dung sẽ nói.

**-** Tập nói cho bạn nghe.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân trình bày mong muốn của bản thân.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau bằng phiếu đánh giá.

- GV tổng hợp, đánh giá.

**Hoạt động VẬN DỤNG.**

**-** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn kĩ năng nói trước chỗ đông người.

**-** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**-** Kết quả của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Nói với người thân về việc sử dụng thiết bị công nghệ.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân liệt kê những thiết bị công nghệ cần sử dụng. Vì sao lại cần phải sử dụng thiết bị công nghệ đó? Cách sử dụng như thế nào cho có hiệu quả? Mong muốn của em là gì?

**-** Tập kể lại bằng lời cho bạn nghe.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân trình bày vấn đề mình quan tâm cho người thân nghe.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** – Cá nhân tự đánh giá.

– Người thân trong gia đình đánh giá.

**IV. Hướng dẫn học bài.**

* Về nhà thực hiện phần củng cố, mở rộng và thực hành đọc (sgk/T33 -37)
* Đọc trước bài 2. *Khúc nhạc tâm hồn..*

**D. HỒ SƠ KHÁC**

**1. Bảng kiểm quan đánh giá hoạt động Đọc.**

**a/ Đánh giá quá trình đọc hiểu** (Dùng để hỏi), đánh giá thường xuyên hoạt động đọc của HS.

GV đánh dâu X vào ô tương ứng (*1: chưa bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn bị trước khi đọc bài mới** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| - Chuẩn bị các phương tiện tốt nhất để đọc bài mới |  |  |  |  |
| - Học thuộc bài cũ trước khi lên lớp |  |  |  |  |
| - Đọc bài mớ, tài liệu thầy/ cô yêu cầu. |  |  |  |  |
| - Đọc bài mới, tài liệu ngay cả khi thầy/cô không yêu cầu. |  |  |  |  |
| **Cách đọc bài trước khi học** |  |  |  |  |
| - Đọc lươt qua bằng cách thật nhanh cho xong bài |  |  |  |  |
| - Đọc thành tiếng |  |  |  |  |
| - Đọc nhưng chỉ quan tâm đến nội dung liên quan, đến những câu hỏi cần chuẩn bị hoặc câu hỏi cuối bài. |  |  |  |  |
| -Đọc để nhận ra nội dung chính và phát hiện thuật ngữ, các vấn đề khó khăn, khó hiểu để dự định hỏi thầy/cô. |  |  |  |  |
| - Đọc và tìm hiểu mối quan hệ liên quan giữa kiến thức mới với kiến thức đã học. |  |  |  |  |
| - Đọc và đánh dấu những từ ngữ quan trọng trong câu, đoạn kiến thức trong sách. |  |  |  |  |
| - Đọc với thái độ tích cực và có phân tích trọng tâm, nội dung bài, kết nối với bài trước... |  |  |  |  |
| - Đọc và đặt câu hỏi cho các nội dung bài học và tìm ý trả lời cho câuu hỏi đó. |  |  |  |  |
| **Thái độ học tập ở lớp** |  |  |  |  |
| - Chăm chú nghe thầy/cô hướng dẫn, ghi chép đầy đủ những nội dung thầy/cô yêu cầu. |  |  |  |  |
| - Chỉ trả lời khi thầy/cô yêu cầu, không dám hỏi khi có thắc mắc. |  |  |  |  |
| - Sẵn sàng trả lời câu hỏi của thầy/cô nếu biết và sẵn sàng hỏi thầy/cô nếu có thắc mắc. |  |  |  |  |
| - Sẵn sàng tham gia thảo luận nhóm để tìm hiểu kiến thức bài học. |  |  |  |  |
| - Chủ động đưa ra các câu hỏi liên quan đến bài học để nhờ thầy/cô trả lời. |  |  |  |  |

**b. Đánh giá hoạt động luyện tập.** (Sản phẩm tóm tắt văn bản) Đánh dẫu X vào ô tương ứng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Xuất hiện** | **Không**  **xuấthiện** |
| 1 | Bản tóm tắt trung thành với văn bản gốc. |  |  |
| 2 | Bản tóm tắt đảm bảo tính ngắn gọn. |  |  |
| 3 | Bản tóm tắt tập trung làm rõ các s/việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng. |  |  |
| 4 | Bản tóm tắt đảm bảo các yêu cầu về tính liên kết của văn bản. |  |  |
| 5 | Bản tóm tắt đảm bảo các yêu cầu về sử dụng từ ngữ. |  |  |
| 6 | Bản tóm tắt đảm bảo các yêu cầu về ngữ pháp. |  |  |
| 7 | Bản tóm tắt đảm bảo các yêu cầu về chuẩn chính tả. |  |  |

**2. Đánh giá hoạt động Viết.** Rubric đánh giá hoạt động Viết.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5**  **(xuất sắc)** | **Mức 4**  **(Giỏi)** | **Mức 3**  **(Khá)** | **Mức 2**  **(Đạt)** | **Mức 1**  **(Chưa đạt)** |
| Chọn được văn bản tóm tắt | Lựa chọn được văn bản tóm tắt có ý nghĩa sâu sắc. | Lựa chọn được văn bản tóm tắt có ý nghĩa. | Lựa chọn được văn bản tóm tắt | Lựa chọn được được văn bản tóm tắt chưa rõ ràng. | Chưa có văn bản để tóm tắt. |
| Nội dung tóm tắt | Nội dung tóm tắt đầy đủ những ý chính những điểm quan trọng của văn bản gốc. | Nội dung tóm tắt đủ những ý chính những điểm quan trọng của văn bản gốc. | Nội dung tóm tắt còn thiếu một vài ý chính của văn bản gốc. | Nội dung tóm tắt còn thiếu nhiều ý chính của văn bản gốc. | Nội dung tóm tắt không có ý chính của văn bản gốc. |
| Sử dụng từ ngữ tóm tắt. | Sử dụng đầy đủ những từ ngữ quan trọng của văn bản gốc. | Sử dụng khá đầy đủ những từ ngữ quan trọng của văn bản gốc. | Sử dụng một số từ ngữ quan trọng của văn bản gốc. | Có Sử dụng một số từ ngữ quan trọng của văn bản gốc. | Không Sử dụng từ ngữ quan trọng của văn bản gốc. |
| Độ dài văn bản tóm tắt. | Đảm bảo chính xác độ dài theo đúng yêu cầu đề ra. | Đảm bảo tương đối đúng với độ dài theo đúng yêu cầu đề ra. | Độ dài có thể thừa hoặc thiếu với yêu cầu đề ra. | Độ dài có thể quá thừa hoặc quá thiếu với yêu cầu đề ra. | Văn bản tóm tắt không đáp ứng được yêu cầu về độ dài. |
| Chính tả và diễn đạt. | Không mắc lỗi chính tả và diễn đạt. | Mắc một vài lỗi chính tả và diễn đạt. | Mắc tương đối nhiều lỗi chính tả và diễn đạt. | Mắc nhiều lỗi chính tả và diễn đạt. | Mắc rất nhiều lỗi chính tả và diễn đạt. |

**3. Đánh giá hoạt động Nói và nghe**. Rubric đánh giá hoạt động Nói và nghe.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI

Nhóm:…….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
|  | Chưa đạt (0đ) | Đạt (1đ) | Tốt (2 đ) |
| 1. Chọn được vấn đề hay có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để trao đổi. | Có vấn đề để trao đổi nhưng chưa hay. | Vấn đề trao đổi rất hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung vấn đề phong phú, hấp dẫn. | Nội dung vấn đề sơ sài, chưa có đủ bằng chứng, lí lẽ để người nghe hiểu vấn đề. | Nội dung vấn đề sơ sài, chưa có đủ bằng chứng, lí lẽ, người nghe hiểu nội vấn đề . | Nội dung vấn đề có tính thuyết phục cao. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp lại nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (diệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…) phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm chưa phù hợp. | Điệu bộ tự tin,nhìn vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí. | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi, có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng. | Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng. |
| Tổng điểm:……/10 điểm | | | |